| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - HUẾ**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 165/2026/QĐST-HNGĐ | *Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Võ T, sinh năm 1986; nơi cư trú: TDP H, phường Phong Q, thành phố Huế.

- Chị Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: TDP H, phường Phong Q, thành phố Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong H, Hện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Ủy ban nhân dân phường Phong Quảng, thành phố Huế) vào ngày 02/02/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống khiến vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 có 02 (hai) con chung tên Võ Huỳnh Nhất H, sinh ngày 22/3/2010 và Võ Huỳnh Đ, sinh ngày 24/10/2014.

Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 thoả thuận giao 02 con chung là Võ Huỳnh Nhất H và Võ Huỳnh Đ cho chị Huỳnh Thị Thu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 15 tháng 4 năm 2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1.

- Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Võ Huỳnh Nhất H, sinh ngày 22/3/2010 và Võ Huỳnh Đ, sinh ngày 24/10/2014 cho chị Huỳnh Thị Thu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Võ T và chị Huỳnh Thị Thu T1 thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị T1 đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000949 ngày 27/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- TAND TP-Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- Phòng THADS KV2 - Huế;
- UBND phường Phong Q, TP-Huế;
- Đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Mai Văn Phú**